

HOSE

04/03/2014

 VNINDEX 569.97 **-3.41** **-0.59%**

KLGD 125,571,957 CP

GTGD 1,958.47 Tỷ

GTR NDTNN - 133.32 Tỷ

CP Tăng giá 108 CP

CP Giảm giá 112 CP

CP Đứng giá 84 CP



HNX

04/3/2014

 HNXINDEX 80.35 **-0.11** **-0.14%**

KLGD 71,925,838 CP

GTGD 676.00 Tỷ

GTR NDTNN - 20.75 Tỷ

CP Tăng giá 110 CP

CP Giảm giá 118 CP

CP Đứng giá 151 CP



VN30 & HNX30 INDEX

 VN30 638.79 **-5.16** **-0.80%**

 HNX30 158.80 **-0.46** **-0.29%**

Tâm điểm

► **Lực cầu bất đáy thu hẹp đà giảm chỉ số 2 sàn**

► **Thanh khoản thị trường sụt giảm khá mạnh phiên hôm nay**

Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 2.600 tỷ đồng.

► **2 tháng đầu năm, nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực giảm mạnh**

Với mức trung bình trên 20% so cùng kỳ năm 2013

VTV

► **HSBC: Nợ xấu của Việt Nam giảm còn 3.6% trong tháng 2-2014.**

Đây là tín hiệu tích cực với nguy cơ rủi ro mà hệ thống tài chính đang phải đối mặt

Trí Thức Trẻ

► **Xuất khẩu dệt may tăng 44.9% trong tháng 2**

Tính chung 2 tháng đầu năm 2014, xuất khẩu dệt may tăng 30.1% so với cùng kỳ

VOV

► **FCM: Mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận 84% trong năm 2014**

Theo đó, Công ty đặt mục tiêu lợi nhuận sau thuế đạt 66 tỷ đồng.

Công Lý

► **TAG: Năm 2014, kế hoạch lãi 7 tỷ, phát hành gần 5 triệu cp**

Lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch tăng 18.5% so với năm 2013.

Công Lý

Thị trường / Ngành

Vốn hóa (tỷ)

P/E

P/B

ROE

ROA

Theo thị trường

Thị trường	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,011,787	13.8	3.0	22.3%	11.3%
HNX	126,690	19.8	1.6	9.1%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,138,477	14.8	2.9	21.3%	10.6%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	8,309	7.2	1.0	16.0%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	23,549	7.7	1.8	24.5%	18.2%
Thép và sản phẩm thép	32,622	16.7	1.9	17.6%	7.1%
Khai khoáng	12,495	45.9	4.9	3.8%	2.9%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,975	19.3	1.4	16.0%	9.2%
Xây dựng	30,301	37.4	1.1	1.6%	1.2%
Máy công nghiệp	9,196	9.0	1.5	21.5%	12.8%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,832	12.9	1.6	16.9%	12.2%
Lốp xe	7,009	8.7	2.4	30.2%	13.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	13,401	13.1	1.2	11.9%	5.7%
Thực phẩm	211,933	23.7	5.5	24.5%	18.4%
Dược phẩm	15,610	12.6	3.3	26.5%	17.1%
Phần mềm	17,230	10.6	2.3	23.6%	9.9%
Sản xuất & phân phối điện	22,493	7.4	1.2	19.0%	9.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	162,258	12.4	4.5	39.9%	25.2%
Bảo hiểm nhân thọ	31,642	28.9	2.6	9.0%	2.2%
Môi giới chứng khoán	22,147	20.7	1.3	7.3%	5.3%
Ngân hàng	261,594	11.7	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản	145,236	16.2	2.7	25.7%	6.2%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,402	9.4	1.9	21.4%	8.2%

Thống kê thị trường

► HOSE: Thống kê và nhận định thị trường

► HNX: Thống kê và nhận định thị trường

► Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Triệu

Hai Bà Trưng

Hanoi

Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

2 tháng đầu năm, nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực giảm mạnh

HSBC: Nợ xấu của Việt Nam giảm còn 3.6% trong tháng 2-2014.

Xuất khẩu dệt may tăng 44.9% trong tháng 2

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

HRC: Hết tháng 1, hoàn thành 60% kế hoạch doanh thu quý I/2014

FCM: Mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận 84% trong năm 2014

TAG: Năm 2014, kế hoạch lãi 7 tỷ, phát hành gần 5 triệu cp

► Tin kinh tế

Bộ NN&PTNT cho biết, xuất khẩu nông lâm thủy sản 2 tháng đầu năm ước đạt 4.33 tỷ USD, tăng 9% so cùng kỳ năm ngoái. Các mặt hàng nông sản chủ lực đang giảm mạnh, trung bình trên 20% so cùng kỳ năm 2013. Cụ thể, xuất khẩu gạo đạt trên 700,000 tấn, đạt 330 triệu USD (giảm 12% về lượng và 8% về giá trị); cà phê đạt xuất gần 280,000 tấn, đạt 520 triệu USD (giảm gần 14% về lượng và 23% giá trị); cao su xuất trên 104,000 tấn, giá trị 215 triệu USD (giảm 25% về lượng và 43% giá trị); chè xuất 15,000 tấn, đạt 24 triệu USD (giảm gần 19% về lượng và 15% giá trị).

Theo báo cáo của HSBC về kinh tế Việt Nam cập nhật ngày 4-3, tỷ lệ nợ xấu đã giảm từ mức 4.6% trên tổng dư nợ hồi tháng 9 năm ngoái xuống còn 3.6% trong tháng 2-2014 là một tín hiệu tích cực với những nguy cơ rủi ro mà hệ thống tài chính đang phải đối mặt. HSBC đồng thời dẫn nguồn tin từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) rằng tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống ngân hàng có thể tăng lên 9% - 11% nếu như việc phân loại nợ cho các khoản vay không được tính đến theo Quyết định 780/QĐ-NHNN, có hiệu lực vào tháng 4/2012.

Theo Bộ Công Thương, trong tháng 2, sản xuất và xuất khẩu hàng dệt may của các doanh nghiệp thuận lợi, đơn hàng sản xuất ổn định, các thị trường xuất khẩu dần hồi phục. Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt và may mặc tháng 2 ước đạt 1.3 tỷ USD, tăng 44.9% so với tháng 2 năm 2013, tính chung 2 tháng đầu năm 2014 tăng 30.1% so với cùng kỳ. Hiện nhiều doanh nghiệp trong ngành đã ký được đơn hàng đến hết quý II và quý III/2014, đáng chú ý ngành dệt may đã khởi công một số dự án đầu tư lớn nhằm mở rộng quy mô sản xuất, đón đầu cơ hội khi Hiệp định TPP sắp được ký kết.

► Tin doanh nghiệp

CTCP Cao su Hòa Bình (HOSE: HRC) công bố Nghị quyết HĐQT. Theo đó, HĐQT HRC còn thông qua kết quả kinh doanh 2013 với tổng doanh thu 490.3 tỷ đồng, vượt 9.76% kế hoạch, và lợi nhuận sau thuế 65 tỷ đồng, hoàn thành 95.43% kế hoạch. Trong quý I/2014, HRC lên kế hoạch 72 tỷ đồng tổng doanh thu và 15 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Hết tháng 1/2014, HRC đã khai thác được 110.5 tấn, thu mua được 118 tấn và giao bán 182.5 tấn, doanh thu 9.1 tỷ đồng, tương ứng hoàn thành 60% kế hoạch.

Năm 2014, CTCP Khoáng sản FECON (HOSE: FCM) đặt mục tiêu doanh thu 660 tỷ đồng, trong đó doanh thu phần cộc 510 tỷ đồng, doanh thu phần khoáng sản 150 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế 66 tỷ đồng. Điều này đồng nghĩa với việc công ty dự kiến đạt mức tăng trưởng 56% doanh thu và 84.4% lợi nhuận sau thuế; cộc tức năm 2014 ở mức 10%. Bên cạnh đó, Đại hội cũng quyết định tỷ lệ thanh toán cổ tức năm 2013 ở mức 6% vốn điều lệ, ứng với 45% lợi nhuận sau thuế phân phối. Trong năm 2014, công ty có kế hoạch phát hành 14.2 triệu cổ phiếu để tăng vốn gồm cho cổ đông hiện hữu 13.4 triệu đơn vị, cán bộ công nhân viên 800 ngàn đơn vị.

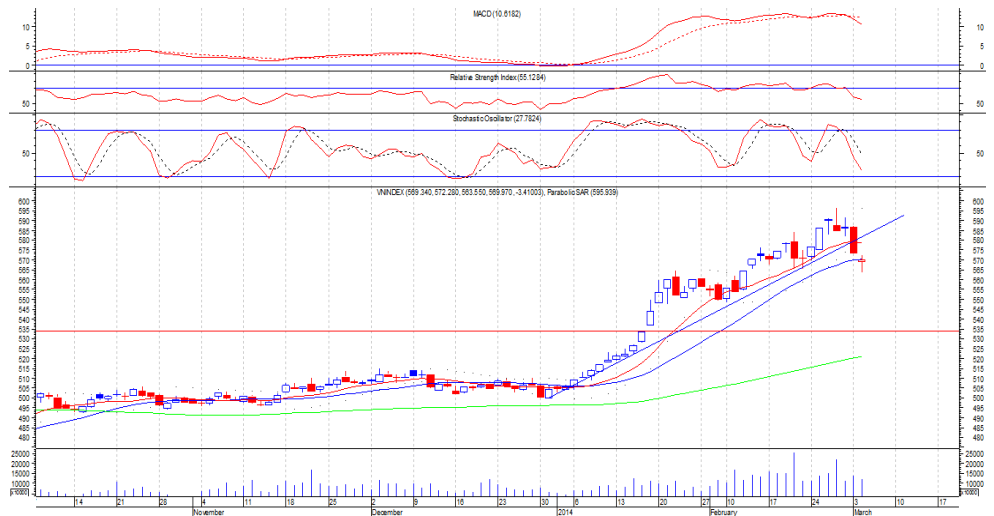
ĐHĐCĐ thường niên 2014 của CTCP Thế giới số Trần Anh (HNX: TAG) đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2014 với chỉ tiêu doanh thu thuần 2,436 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hơn 7 tỷ đồng. TAG cũng sẽ mở rộng thêm khoảng 5 siêu thị tại các tỉnh trong năm nay. Đại hội cũng thống nhất phương án phát hành 2,610,319 cp để trả cổ tức năm 2012 cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20%. Nguồn từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm phát hành. Ngoài ra, dự kiến trong quý 2/2014, TAG cũng sẽ phát hành 2,218,771 cp để tăng vốn điều lệ từ nguồn thặng dư với tỷ lệ 17%. Được biết, năm 2013, TAG thực hiện được 1,867 tỷ đồng doanh thu thuần và 1.3 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.

HOSE 04/03/2014 VNINDEX 569.97 -3.41 -0.59% 125,571,957 CP 1,958.47 bil VND

Lực cầu bắt đáy tham gia thu hẹp đà giảm chỉ số 2 sàn

VN-Index giảm 3.41 điểm (-0.59%), đóng cửa tại mức 569.97 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân ngắn, bóng dưới dài, cây nến gần giống với nến Doji thể hiện sự giằng co trở lại lúc đóng cửa.

- MA10, MA20 sắp cho tín hiệu đi xuống. MA20 đóng vai trò hỗ trợ khá tốt cho VN-Index trong phiên hôm nay.
- Tín hiệu MACD Histogram giảm mạnh tăng khả năng cắt đường zero - base.
- Stochastic Oscillator tiếp tục lao dốc khá mạnh ngày hôm nay.
- RSI (14) giảm mạnh về mức 55.



HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	-0.1 (-1.3%)	9,880,640
FLC	0.6 (5.0%)	9,502,920
LCG	-0.2 (-2.9%)	6,860,530
SSI	0.3 (1.2%)	4,676,130
HAG	-0.4 (-1.5%)	4,425,300

HOSE Top 5 theo % tăng

DTT	0.4 (6.9%)	1,430
HTL	1.1 (6.9%)	10
IDI	0.7 (6.7%)	1,029,250
CLP	0.3 (6.5%)	10
SSC	3 (6.5%)	1,470

HOSE Top 5 theo % giảm

PGC	-1.2 (-7.3%)	360,660
NVN	-0.2 (-6.9%)	6,090
ASIAGF	-0.7 (-6.9%)	20
RDP	-1.2 (-6.7%)	2,070
CTI	-0.9 (-6.7%)	2,500

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

BID	6,1 tỷ	369,060
DXG	2,7 tỷ	181,460
CTG	1,8 tỷ	105,120
ITC	1,3 tỷ	157,400
SBT	1,2 tỷ	98,280

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-41,0 tỷ	1,598,910
PVD	-14,8 tỷ	193,050
VIC	-14,7 tỷ	199,460
ITA	-13,9 tỷ	1,795,990
HPG	-12,1 tỷ	252,930

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-5,220,570	133.32

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Áp lực bán tiếp tục chi phối thị trường khá mạnh. Mặc dù vậy lực cầu chờ sẵn ở dưới khá lớn đã giúp VN-Index thu hẹp đà giảm về cuối phiên.
- ▶ Khối lượng sụt giảm trở lại và đạt mức 122 triệu đơn vị khớp lệnh. Thấp hơn so với bình quân 20P. Lực cầu đặc biệt duy trì tốt lúc TT giảm mạnh là tín hiệu khá tích cực.
- ▶ Áp lực điều chỉnh sẽ vẫn tiếp diễn. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng đà điều chỉnh sẽ không quá sâu, VN-Index sẽ được hỗ trợ mạnh tại ngưỡng MA20, MA50.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục bán ròng khá mạnh phiên hôm nay. Lực bán ròng có thể sẽ còn xuất hiện nhiều trong thời gian tới, vì vậy điều này sẽ tác động xấu tới TT chung.
- ▶ NĐT hạn chế việc mua mới trong những phiên tiếp theo. NĐT mạo hiểm có thể cân nhắc mua vào một phần các mã đã điều chỉnh 10 - 15%.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	81.5	154,442.50	12.6	4.6	40.8%	25.9%
VNM	833.5	139.0	115,851.92	18.0	6.7	39.6%	30.7%
MSN	734.9	96.5	70,918.94	158.7	4.8	3.0%	1.0%
VCB	2,317.4	29.8	69,059.03	15.9	1.6	10.3%	1.0%
VIC	909.6	73.5	66,852.62	10.1	3.8	47.7%	10.3%
CTG	3,723.4	16.9	62,925.54	9.4	1.2	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	16.6	46,665.96	10.8	1.4	13.7%	0.8%
BVH	680.5	46.0	31,301.69	28.9	2.6	9.0%	2.2%
STB	1,142.5	20.0	22,850.23	10.2	1.4	14.5%	1.4%
PVD	275.3	77.0	21,194.87	10.5	2.2	22.3%	9.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	15.0	3,489.00	14.3	1.2	NA	TH.DOI
PPC	318.2	24.0	7,635.71	4.6	1.4	NA	TH.DOI
PHR	78.5	31.3	2,456.74	6.6	1.2	NA	TH.DOI
BMP	45.5	75.0	3,410.89	9.2	2.3	NA	TH.DOI
VSC	28.6	67.0	1,919.29	8.0	2.2	NA	TH.DOI
DPM	379.9	43.6	16,565.13	7.5	1.8	NA	TH.DOI

HNX 04/03/2014 HNX-Index 80.35 -0.11 -0.14% 71,925,838 CP 676.00 bil. VND

Lực cầu bắt đáy tham gia thu hẹp đã giảm chỉ số 2 sàn

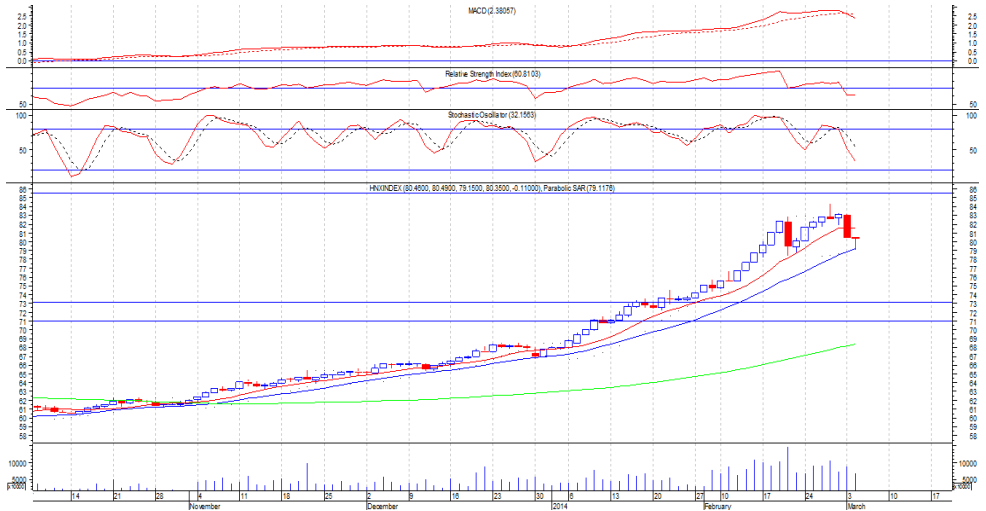
Chỉ số HNX-Index giảm 0.11 điểm (-0.14%), đóng cửa tại mốc 80.35 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ, thân ngắn, bóng dưới dài, phần nào thể hiện sự giằng co mạnh ở thời điểm cuối phiên.

- MA10, MA20 đi ngang trở lại. MA20 đóng vai trò hỗ trợ khá tốt cho HNX-Index trong phiên hôm nay.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục lao dốc khá mạnh.

- MACD tiếp tục đi xuống khá mạnh tăng khả năng cắt đường zero - base.

- RSI (14) giảm về mức 60.



HNX Top 5 theo KLGD

SHB	-0.1 (-1.1%)	14,202,480
PVX	0.1 (2.3%)	10,844,860
VCG	0.5 (3.5%)	5,239,030
SCR	0 (0.0%)	4,066,620
KLS	-0.1 (-0.9%)	3,645,580

HNX Top 5 theo % tăng

SDG	2 (10.6%)	-
CVT	1.6 (10.0%)	180,600
PV2	0.3 (10.0%)	206,100
WCS	7.6 (10.0%)	100
NFC	2.7 (9.9%)	100

HNX Top 5 theo % giảm

YBC	-0.8 (-9.9%)	800
PCG	-0.9 (-9.7%)	7,500
BXH	-1.2 (-9.6%)	200
L62	-0.6 (-9.2%)	100
DZM	-0.5 (-8.9%)	25,000

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PHH	1,5 tỷ	184,300
CSC	1,3 tỷ	85,000
SDH	0,9 tỷ	158,900
PVG	0,4 tỷ	30,000
APS	0,4 tỷ	91,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

SHB	-11,5 tỷ	1,299,600
VCG	-9,9 tỷ	687,000
PVS	-4,2 tỷ	154,200
VND	-1,5 tỷ	97,470
DBT	-0,2 tỷ	6,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-1,602,536	- 20.75

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Áp lực bán tiếp tục chi phối thị trường khá mạnh. Mặc dù vậy lực cầu chờ sẵn ở dưới khá lớn đã giúp VN-Index thu hẹp đà giảm về cuối phiên.
- ▶ Khối lượng sụt giảm trở lại và đạt mức 70 triệu đơn vị khớp lệnh. Thấp hơn so với bình quân 20P. Lực cầu đặc biệt duy trì tốt lúc TT giảm mạnh là tín hiệu khá tích cực.
- ▶ Áp lực điều chỉnh sẽ vẫn tiếp diễn. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng đà điều chỉnh sẽ không quá sâu, HNX-Index sẽ được hỗ trợ mạnh tại ngưỡng MA20, MA50.
- ▶ Khối ngoại bắt đầu bán ròng mạnh trên sàn này phiên hôm nay. Lực bán ròng có thể sẽ còn xuất hiện nhiều trong thời gian tới, vì vậy điều này sẽ tác động xấu tới TT
- ▶ NĐT hạn chế việc mua mới trong những phiên tiếp theo. NĐT mạo hiểm có thể cân nhắc mua vào một phần các mã đã điều chỉnh 10 - 15%.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	16.6	15,297.16	18.8	1.2	6.6%	0.5%
PVS	446.7	27.1	12,105.58	7.7	1.5	21.0%	6.7%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	415.6	6.4	-1.5%	-1.2%
SHB	886.1	8.9	7,886.14	10.5	0.8	7.6%	0.6%
VCG	441.7	14.8	6,537.32	11.6	1.1	10.1%	2.1%
OCH	200.0	31.0	6,200.00	33.9	2.9	8.1%	3.6%
PVI	225.4	19.0	4,282.87	12.7	0.7	5.4%	2.9%
LAS	77.8	45.4	3,533.57	8.0	2.5	34.3%	16.1%
NTP	43.3	66.5	2,881.98	10.0	2.4	24.8%	16.7%
VNR	100.8	25.9	2,611.44	9.1	1.1	12.7%	6.9%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.8	1,398.40	7.9	1.5	NA	TH.DOI
AAA	19.8	22.4	443.52	7.9	0.8	NA	TH.DOI
VND	96.9	14.7	1,424.97	11.7	1.2	NA	TH.DOI
NTP	43.3	66.5	2,881.98	10.0	2.4	NA	TH.DOI
LHC	2.0	65.2	130.40	3.2	1.2	NA	TH.DOI
DXP	7.9	54.2	426.82	7.2	1.7	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	70,918.94	15.35%	96.5	158.66	4.77	366,501	285,302	286,973
VIC	HOSE	909.6	66,852.62	14.46%	73.5	10.10	3.82	183,864	207,669	222,885
HPG	HOSE	419.1	20,030.71	11.74%	47.8	10.40	2.14	579,147	590,728	525,839
PVD	HOSE	275.3	21,194.87	8.68%	77.0	10.51	2.17	386,443	348,141	373,409
DPM	HOSE	379.9	16,565.13	8.01%	43.6	7.53	1.79	875,324	852,948	623,504
HAG	HOSE	718.2	18,384.76	7.98%	25.6	18.96	1.45	6,251,463	5,887,109	3,412,490
VCB	HOSE	2,317.4	69,059.03	6.11%	29.8	15.87	1.60	1,065,642	966,341	937,667
STB	HOSE	1,142.5	22,850.23	4.13%	20.0	10.21	1.35	1,220,289	843,010	538,238
BVH	HOSE	680.5	31,301.69	3.08%	46.0	28.87	2.61	437,380	490,412	471,964
ITA	HOSE	718.1	5,600.98	2.71%	7.8	107.30	0.73	10,278,031	9,555,338	7,140,782
HSG	HOSE	96.3	5,297.22	2.68%	55.0	9.36	2.25	433,186	366,719	346,843
GMD	HOSE	114.4	3,947.55	2.26%	34.5	28.94	0.90	592,298	493,556	497,656
PPC	HOSE	318.2	7,635.71	2.03%	24.0	4.62	1.40	1,092,013	1,244,590	1,352,310
VSH	HOSE	206.2	3,155.49	1.74%	15.3	15.82	1.22	938,279	1,073,552	1,063,305
CSM	HOSE	67.3	2,779.16	1.64%	41.3	7.71	2.28	906,771	853,577	722,412
KBC	HOSE	289.8	3,477.13	1.48%	12.0	51.19	0.87	2,040,162	1,674,698	1,207,992
DRC	HOSE	83.1	3,721.71	1.33%	44.8	9.85	2.68	430,244	491,705	359,442
PVT	HOSE	232.6	3,489.00	1.18%	15.0	14.33	1.20	3,457,351	3,292,894	2,575,435
DIG	HOSE	143.0	2,330.83	1.01%	16.3	49.68	0.96	1,276,845	1,204,169	932,665
OGC	HOSE	300.0	3,630.00	0.91%	12.1	34.63	1.12	3,698,745	3,066,274	2,234,666
PET	HOSE	69.8	1,459.70	0.87%	20.9	9.26	1.19	868,670	1,111,444	811,364
SBT	HOSE	143.5	1,807.93	0.60%	12.6	7.10	0.97	404,053	374,425	283,502

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	12,105.58	8.04%	27.1	7.71	1.50	2,510,493	2,460,562	2,028,338
VIC	HOSE	909.6	66,852.62	7.80%	73.5	10.10	3.82	183,864	207,669	222,885
VCB	HOSE	2,317.4	69,059.03	7.65%	29.8	15.87	1.60	1,065,642	966,341	937,667
BVH	HOSE	680.5	31,301.69	7.23%	46.0	28.87	2.61	437,380	490,412	471,964
DPM	HOSE	379.9	16,565.13	6.97%	43.6	7.53	1.79	875,324	852,948	623,504
STB	HOSE	1,142.5	22,850.23	5.98%	20.0	10.21	1.35	1,220,289	843,010	538,238
PVD	HOSE	275.3	21,194.87	5.04%	77.0	10.51	2.17	386,443	348,141	373,409
ITA	HOSE	718.1	5,600.98	3.72%	7.8	107.30	0.73	10,278,031	9,555,338	7,140,782
SHB	HNX	886.1	7,886.14	3.47%	8.9	10.53	0.77	12,655,104	10,255,913	6,010,818
PPC	HOSE	318.2	7,635.71	3.38%	24.0	4.62	1.40	1,092,013	1,244,590	1,352,310
OGC	HOSE	300.0	3,630.00	2.85%	12.1	34.63	1.12	3,698,745	3,066,274	2,234,666
GMD	HOSE	114.4	3,947.55	2.66%	34.5	28.94	0.90	592,298	493,556	497,656
HPG	HOSE	419.1	20,030.71	2.60%	47.8	10.40	2.14	579,147	590,728	525,839
HAG	HOSE	718.2	18,384.76	2.25%	25.6	18.96	1.45	6,251,463	5,887,109	3,412,490
DRC	HOSE	83.1	3,721.71	1.93%	44.8	9.85	2.68	430,244	491,705	359,442
VCG	HNX	441.7	6,537.32	1.85%	14.8	11.60	1.12	6,023,784	5,067,986	3,099,729
PVX	HNX	400.0	1,800.00	0.00%	4.5	- 0.83	2.18	13,049,865	12,573,513	8,458,569

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	909.6	66,852.62	0.00%	73.5	10.10	3.82	183,864	207,669	222,885
MSN	HOSE	734.9	70,918.94	0.00%	96.5	158.66	4.77	366,501	285,302	286,973
DPM	HOSE	379.9	16,565.13	0.00%	43.6	7.53	1.79	875,324	852,948	623,504
HAG	HOSE	718.2	18,384.76	0.00%	25.6	18.96	1.45	6,251,463	5,887,109	3,412,490
VCB	HOSE	2,317.4	69,059.03	0.00%	29.8	15.87	1.60	1,065,642	966,341	937,667
STB	HOSE	1,142.5	22,850.23	0.00%	20.0	10.21	1.35	1,220,289	843,010	538,238
BVH	HOSE	680.5	31,301.69	0.00%	46.0	28.87	2.61	437,380	490,412	471,964
CTG	HOSE	3,723.4	62,925.54	0.00%	16.9	9.40	1.18	1,954,195	1,459,033	934,844
GAS	HOSE	1,895.0	154,442.50	0.00%	81.5	12.55	4.64	483,588	469,330	451,328

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	70,918.94	0.81%	96.5	158.66	4.77	366,501	285,302	286,973
VIC	HOSE	909.6	66,852.62	0.55%	73.5	10.10	3.82	183,864	207,669	222,885
DPM	HOSE	379.9	16,565.13	0.26%	43.6	7.53	1.79	875,324	852,948	623,504
VCB	HOSE	2,317.4	69,059.03	0.20%	29.8	15.87	1.60	1,065,642	966,341	937,667
STB	HOSE	1,142.5	22,850.23	0.14%	20.0	10.21	1.35	1,220,289	843,010	538,238
BVH	HOSE	680.5	31,301.69	0.10%	46.0	28.87	2.61	437,380	490,412	471,964

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **01/12/2010** SLCKVN: **4,752.96 mil.**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,309	7.2	1.0	16.0%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	23,549	7.7	1.8	24.5%	18.2%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,487	15.6	0.6	3.5%	2.7%
Sản xuất giấy	743	8.2	0.7	10.6%	5.3%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	32,622	16.7	1.9	17.6%	7.1%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,076	5.2	0.9	17.3%	3.9%
Khai khoáng	12,495	45.9	4.9	3.8%	2.9%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,975	19.3	1.4	16.0%	9.2%
Xây dựng	30,301	- 37.4	1.1	1.6%	1.2%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,414	8.0	1.2	18.7%	9.9%
Công nghiệp phức hợp	443	4.8	0.9	20.3%	14.1%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,742	10.6	1.0	8.4%	4.5%
Thiết bị điện	1,545	- 12.1	0.7	-0.6%	-1.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	22.2	0.5	2.4%	1.6%
Máy công nghiệp	9,196	9.0	1.5	21.5%	12.8%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,733	- 3.2	0.9	9.7%	1.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,832	12.9	1.6	16.9%	12.2%
Dịch vụ vận tải	5,076	10.0	1.4	15.9%	9.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,926	9.8	1.1	12.3%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	234	55.6	0.7	3.8%	1.6%
Nhà cung cấp thiết bị	180	7.9	0.8	11.4%	5.0%
Chất thải & Môi trường	117	2.0	0.6	39.3%	19.0%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,047	22.9	1.6	16.0%	8.6%
Lốp xe	7,009	8.7	2.4	30.2%	13.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,582	8.0	1.3	15.8%	9.7%
Vang & Rượu mạnh	241	11.1	1.7	16.9%	12.1%
Đồ uống & giải khát	253	6.9	1.3	15.2%	10.1%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	13,401	13.1	1.2	11.9%	5.7%
Thực phẩm	211,933	23.7	5.5	24.5%	18.4%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	59	115.3	0.7	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,290	8.8	1.0	12.9%	5.8%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	159	4.0	1.4	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,031	8.2	1.5	19.2%	7.4%
Giày dép	6	1.9	0.2	12.3%	6.3%
Hàng cá nhân	5,085	10.3	1.7	17.5%	9.5%
Thuốc lá					
Thuốc lá	727	- 5.8	1.1	-2.0%	3.5%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,034	23.8	1.1	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	133	3.5	1.7	31.7%	12.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	164	10.5	1.0	10.0%	6.6%
Dược phẩm	15,610	12.6	3.3	26.5%	17.1%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	315	42.7	1.0	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	640	17.9	1.0	12.1%	7.9%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,646	9.9	1.7	19.4%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,101	8.5	1.0	13.7%	8.9%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	117	8.6	2.6	35.0%	15.7%
Khách sạn	6,735	36.9	2.8	7.6%	3.5%
Dịch vụ giải trí	2,003	18.8	1.6	13.7%	12.0%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,257	21.1	2.5	17.4%	15.2%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	55	12.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	578	19.0	0.7	3.6%	1.3%
Internet	281	59.3	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,230	10.6	2.3	23.6%	9.9%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	348	11.7	0.5	4.6%	1.7%
Thiết bị văn phòng	251	5.1	1.0	20.4%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,426	14.7	0.8	5.3%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	22,493	7.4	1.2	19.0%	9.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	162,258	12.4	4.5	39.9%	25.2%
Nước	1,113	5.9	1.1	18.5%	13.2%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,289	10.7	0.9	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,511	11.3	0.7	6.4%	3.3%
Tái bảo hiểm	2,743	9.1	1.1	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	31,642	28.9	2.6	9.0%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,660	34.6	1.1	3.2%	0.9%
Môi giới chứng khoán	22,147	20.7	1.3	7.3%	5.3%
Ngân hàng					
Ngân hàng	261,594	11.7	1.3	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	145,236	16.2	2.7	25.7%	6.2%
Tur Vốn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	124.0	0.4	0.3%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	35,402	9.4	1.9	21.4%	8.2%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.